

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai kết quả thực hiện
thu chi ngân sách quý I năm 2026 của xã Đông Thụy Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỤY ANH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã khóa I – Kỳ họp thứ Tư về việc phê duyệt dự toán thu chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, tình hình thực hiện thu chi ngân sách quý I năm 2026 của xã Đông Thụy Anh. Cụ thể như sau:

(Có biểu mẫu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. HĐND- UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã
- Niêm yết tại trụ sở xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG THỤY ANH

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 04 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

(Xem theo Quý và năm)						
STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện quý so (%)	
			Quý 1	Lũy kế quý	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
			2	3	4=3/1	5
B						
A		1				
		84.537.000.000	39.412.310.653	39.412.310.653		
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.537.000.000	39.412.310.653	39.412.310.653		
I	Thu nội địa					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ	361.962.000.000	183.208.994.958	183.208.994.958	50,62	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	74.047.000.000	37.020.573.410	37.020.573.410	50,00	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	959.000.000	21.508.021.764	21.508.021.764	2.242,76	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	350.000.000		-		
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	72.738.000.000	15.512.551.646	15.512.551.646	21,33	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	287.915.000.000	130.788.900.000	130.788.900.000	45,43	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	217.263.000.000	54.315.000.000	54.315.000.000	25,00	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	70.652.000.000	76.473.900.000	76.473.900.000	108,24	
2	Thu bổ sung có mục tiêu			-		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-		
IV	Thu kết dư		15.399.521.548	15.399.521.548		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	361.962.000.000	203.437.603.792	203.437.603.792	56,20	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	291.310.000.000	72.648.703.792	72.648.703.792	24,94	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	70.600.000.000	11.963.759.000	11.963.759.000	16,95	
1	Chi đầu tư phát triển	216.050.000.000	60.684.944.792	60.684.944.792	28,09	
2	Chi thường xuyên			-		
3	Chi cho vay					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện quý so (%)	
			Quý 1	Lũy kế quý	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
			2	3	4=3/1	5
A	B	1		-		
4	Chi viện trợ			-		
5	Chi trả nợ lãi			-		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	4.660.000.000		-		
7	Dự phòng NSNN			-		
8	Các nhiệm vụ chi khác				0,00	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	70.652.000.000				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 04 năm 2026)

Đơn vị: Đồng



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
		1	2	3	4	5
A	B	84.537.000.000	39.412.310.653	39.412.310.653	46,62	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.537.000.000	39.412.310.653	39.412.310.653	46,62	
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		-			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn DTNN	350.000.000	15.054.112.841	15.054.112.841	4301,18	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.020.000.000	915.199.217	915.199.217	30,30	
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường	3.610.000.000	8.017.734.766	8.017.734.766	222,10	
6	Các loại phí, lệ phí	3.500.000.000	1.708.288.566	1.708.288.566	48,81	
	Trước: Lệ phí trước bạ	76.950.000.000	15.373.177.221	15.373.177.221	19,98	
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	590.000.000	15.431.171	15.431.171	2,62	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	76.360.000.000	15.357.746.050	15.357.746.050	20,11	
-	Thu tiền sử dụng đất					
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện				Ước mục ngân quỹ ...	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...		
			2	3	4	5		
A	B	1						
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển							
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	348.000.000	52.086.608	52.086.608				
12	Thu khác ngân sách	259.000.000			0,00			
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác							
14	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước							
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế							
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước							
II	Thu từ đầu thô							
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu							
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu							
2	Thuế xuất khẩu							
3	Thuế nhập khẩu							
4	Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu							
6	Thuế bỏ sung đối với hàng hóa nhập khẩu							
7	Thuế khác							
IV	Thu viện trợ							
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTDB và các khoản thu khác							
1	Thuế GTGT							
2	Thuế TTDB							
3	Hoàn các khoản thu khác	-	37.020.573.410	37.020.573.410				
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		15.512.551.646	15.512.551.646				
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP							

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)		21.508.021.764	21.508.021.764		
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

PH. T. HUNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã Đông Thuy Anh



TÌNH HÌNH HIỆN CHI NSNN QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- UBND ngày tháng 4 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện			Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý 1	Lũy kế quý	Dự toán	Cùng kỳ năm...	
A	B	1	2	3	4=3/1	5	
	TỔNG CHI NSDP	361.962.000.000	72.648.703.792	72.648.703.792	20,07		
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	291.310.000.000	60.189.681.892	60.189.681.892	20,66		
I	Chi đầu tư phát triển	70.600.000.000	11.963.759.000	11.963.759.000	16,95		
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	70.600.000.000	11.963.759.000	11.963.759.000	16,95		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-			
II	Chi trả nợ lãi			-			
III	Chi thường xuyên	216.050.000.000	48.225.922.892	48.225.922.892	22,32		
	Trong đó:			-			
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	127.759.000.000	27.052.882.281	27.052.882.281	21,17		
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	724.000.000	35.000.000	35.000.000			
IV	Chi cho vay			-			
V	Chi viện trợ			-			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-			
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	4.660.000.000		-			
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế			-			
IX	Các nhiệm vụ chi khác			-			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	70.652.000.000	12.459.021.900	12.459.021.900	17,63		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-			
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	70.652.000.000	12.459.021.900	12.459.021.900	17,63		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			-			